

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/DS-PT

Ngày: 01/02/2024

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản,
hợp đồng thế chấp QSD đất, HĐCNQSD
đất, hợp đồng đặt cọc và BTTH do tài sản
bị xâm phạm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

2. Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Thanh Bạch**, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng đặt cọc và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 519/2023/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng X (HDBank).

Địa chỉ: Số 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1985, địa chỉ: Số A Phạm Ngọc T, phường N, quận M, thành phố Hồ Chí Minh và anh **Mai Thành N**, sinh năm 1987, địa chỉ: Số XX đường A, phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Giấy ủy quyền ngày 06/9/2023) (có mặt)

* **Bị đơn:**

1. Ông **Phan Chí H**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

2. Bà **Bùi Thị M**, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng địa chỉ: số 5, tổ 1, ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Cao Hoang O**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số X Nguyễn Minh Đ, ấp 1, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1. Anh **Nguyễn Vũ P**, sinh năm 1986.

2. Chị **Nguyễn Thị Mỹ N**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số 58A, quốc lộ 1A, ấp T, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh P, chị N: Bà **Phan Thị H1**, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số Y đường L, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Giấy ủy quyền ngày 02/8/2023, ngày 28/8/2023) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh P: Ông **Phạm Ngọc D**, Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Phan Hoài L**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số B khu phố K, đường A, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

** Người kháng cáo:* Bị đơn **Bùi Thị M**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

** Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng X, có người đại diện chị **Phạm Thị H** trình bày:*

Ngân hàng X và ông **Phan Chí H**, bà **Bùi Thị M** có ký kết các hợp đồng tín dụng số 24082/22MN/HĐTD ngày 27/5/2022 với hạn mức 1.500.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm; hợp đồng tín dụng số 36217/22MN/HĐTD ngày 16/9/2022 với hạn mức 1.000.000.000 đồng, lãi suất 11,5%/năm. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20832/22MN/HĐBĐ ngày 27/5/2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 16/9/2022, cụ thể như sau:

Thửa đất số 2043, tờ bản đồ số 04, diện tích 255,4m² tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG712224 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông **Phan Chí H**, bà **Bùi Thị M** ngày 20/01/2017.

Thửa đất số 1377, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.403,2m² tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 493124 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông **Phan Chí H**, bà **Bùi Thị M** ngày 30/12/2008, cập nhật thay đổi ngày 18/5/2011, ngày 22/8/2014.

Tính đến ngày 04/4/2023, ông H, bà M còn nợ Ngân hàng số nợ gốc 2.500.000.000 đồng. Tuy nhiên do ông H, bà M có tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp tại Ngân hàng. Để đảm bảo quyền lợi cho ngân hàng, nay Ngân hàng X yêu cầu ông **Phan Chí H**, bà **Bùi Thị M** trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vay gốc 2.500.000.000 đồng cùng lãi trong hạn 14.075.343 đồng (lãi tạm tính đến ngày 04/4/2023). Đồng thời yêu cầu ông **Phan Chí H**, bà **Bùi Thị M** phải tiếp tục thanh toán nợ

lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 05/4/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ.

Trường hợp ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng theo quy định pháp luật.

** Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2020, bị đơn ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M trình bày:* Ngày 13/6/2019, vợ chồng anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Mỹ N có thỏa thuận đặt cọc cho ông, bà số tiền 600.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng thửa đất ngang 18m, dài 105+200m, giá chuyển nhượng 7.000.000.000 đồng. Ngày 23/7/2019, vợ chồng anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Mỹ N tiếp tục đặt cọc số tiền 2.650.000.000 đồng, tổng số tiền đặt cọc là 3.250.000.000 đồng. Do phần đất thỏa thuận chuyển nhượng có một phần diện tích ngang 3,5m, dài 54m tranh chấp với ông Phan Văn Đ nên ông bà có đề nghị với anh P, chị N thực hiện trước hợp đồng đối phần diện tích không có tranh chấp, phần diện tích tranh chấp với ông Đầy khi nào có kết quả giải quyết giao trả đất ông bà sẽ tiếp tục chuyển nhượng cho anh P, chị N nhưng anh P, chị N không đồng ý và cố tình trì hoãn. Nay ông bà yêu cầu anh P, chị N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đối với diện tích đất không có tranh chấp thửa đất số 1377, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 2.403,2m² tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Nếu anh P, chị N không đồng ý thực hiện thì ông bà yêu cầu hủy giấy biên nhận đặt cọc mua đất ngày 13/6/2019, phụ lục hợp đồng mua bán đất ngày 23/7/2019 và hợp đồng mua bán đất ngày 23/7/2019, đồng thời phía anh P, chị N phải chịu mất số tiền đặt cọc 3.250.000.000 đồng.

** Tại đơn khởi kiện ngày 13/7/2023, bị đơn bà Bùi Thị M trình bày:* Bà và ông Phan Chí H cùng tạo lập được căn nhà trên thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông bà ngày 30/12/2008. Nhà được xây từ năm 1985, do xuống cấp nhiều lần nên xây mới hoàn chỉnh lần gần đây nhất là năm 2015 với diện tích 500m², kết cấu nhà cấp 4, đổ móng bê tông kiên cố, tường xây gạch dầm gạch bông, nền gạch bông, mái tole và nhiều hạng mục công trình phụ. Chi phí thời điểm xây dựng 1.200.000.000 đồng. Nhà vừa để ở vừa là nơi kinh doanh buôn bán tạo nguồn thu nhập chính của gia đình. Ngày 29/7/2019, nhân lúc gia đình ông bà không có nhà anh P đã đến phá khóa rồi cùng nhiều người khác mang tài sản trong nhà bỏ ra ngoài, tháo dỡ nhà, dùng máy ủi phá sập toàn bộ nhà. Sau đó anh P còn nhiều lần mang máy ủi, máy xúc, xe ben đến xúc cát đá, đào móng chõ nhà đi. Nay bà M yêu cầu anh P khôi phục lại hiện trạng ban đầu và bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra là nơi ở và thu nhập kinh doanh bị mất mỗi ngày 200.000 đồng, tạm tính đến ngày 29/7/2023 là 04 năm với số tiền là 292.000.000 đồng.

** Tại đơn khởi kiện phản tố ngày 01/6/2020 và đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện phản tố ngày 20/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:* Ngày 13/6/2019, vợ chồng anh, chị có thỏa thuận đặt cọc cho ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M số tiền 600.000.000 đồng để chuyển nhượng thửa đất ngang 18m, dài 105+200m, giá chuyển nhượng 7.000.000.000 đồng. Ngày 23/7/2019, vợ chồng anh chị tiếp tục đặt cọc số tiền 2.650.000.000 đồng, tổng số tiền đặt cọc là 3.250.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà M, anh chị yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng với diện tích theo các biên nhận đặt cọc đã ký ngày 13/6/2019, 23/7/2019 với chiều ngang 18m, dài 150m+200m, nếu ông H, bà M không giao đủ kích thước thì anh chị yêu cầu hủy hợp đồng và yêu cầu ông H, bà M phải bồi thường gấp hai

lần giá trị tiền cọc đã nhận 6.500.000.000 đồng và phải trả số tiền lãi của số tiền đặt cọc tạm tính 456.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Hoài L:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; yêu cầu khởi kiện của bị đơn; yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời, triệu tập họp lệ anh Phan Hoài L nhiều lần nhưng anh L vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số 519/2023/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 328, Điều 588, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 184, Điều 217; Điều 218; Điều 227, Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X.

- Buộc ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M trả cho Ngân hàng X số tiền vay và lãi 2.422.753.483 đồng (hai tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày 01/12/2023 ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 24082/22MN/HĐTD ngày 27/5/2022 và hợp đồng tín dụng số 36217/22MN/HĐTD ngày 16/9/2022.

Trường hợp ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 2043, tờ bản đồ số 04, diện tích 255,4m² tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG712224 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M ngày 20/01/2017 và thửa đất số 1377, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.403,2m² tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 493124 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M ngày 30/12/2008, cập nhật thay đổi ngày 18/5/2011, ngày 22/8/2014 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20832/22MN/HĐBĐ ngày 27/5/2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 16/9/2022.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M về việc yêu cầu anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1377, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.403,2m² tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M về việc yêu cầu anh Nguyễn Vũ P bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra với số tiền 292.000.000 đồng. Bà Bùi Thị M không được quyền khởi kiện lại.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N về việc yêu cầu ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M trả số tiền lãi 456.000.000 đồng. Anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N.

Buộc ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M trả anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N số tiền đặt cọc và phạt cọc, tổng cộng 6.500.000.000 đồng (sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 12 tháng 12 năm 2023, bị đơn bà Bùi Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục thủ tục chung.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Phan Chí H, Bùi Thị M phân tích cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Bùi Thị M ngày 19/7/2023, nhưng trong quan hệ tranh chấp đưa ra xét xử không có quan hệ tranh chấp “khôi phục lại hiện trạng nhà ở như ban đầu”, là thiếu sót; việc khôi phục lại hiện trạng ban đầu không đồng nghĩa với bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm; án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu này của bà Bùi Thị M là không phù hợp vì yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu tài sản không áp dụng thời hiệu, cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu khởi kiện này của bà Bùi Thị M là không đúng. Về giao dịch đặt cọc: giữa bà Bùi Thị M, ông Phan Chí H với anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N chỉ tranh chấp hợp đồng đặt cọc, các đương sự có 04 văn bản trong đó có biên nhận giao nhận tiền ngày 23/7/2019 có chứng thực, các văn bản còn lại là đặt cọc nhưng có thỏa thuận trả lãi, các văn bản không rõ ràng, chuyển nhượng, đặt cọc hay vay tài sản; anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N biết đất đang tranh chấp với ông Phan Văn Đ, quyền sử dụng đất cấp cho hộ, nên các bên đều có lỗi. Tại phiên tòa, bà Bùi Thị M đồng ý trả cho anh Nguyễn Vũ P, Nguyễn Thị Mỹ N số tiền đặt cọc 3.250.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật và không đồng ý phạt cọc.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Vũ P phân tích: Bà Bùi Thị M cho rằng bản án sơ thẩm xác định thiếu quan hệ tranh chấp là không căn cứ, bà M yêu cầu anh P khôi phục lại hiện trạng nhà ở như lúc ban đầu nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh tài sản khôi phục lại như thế nào. Bà Bùi Thị M tố cáo ông Nguyễn Vũ P có hành vi hủy hoại tài sản tại công an huyện CT. Sau khi tiến hành xác minh, công an huyện CT xác định không có dấu hiệu tội phạm và hướng dẫn bà M khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân huyện CT. Bà Bùi Thị M cho rằng 03 tháng sau bà khởi kiện nhưng không được giải quyết; tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà M nộp đơn khởi kiện yêu cầu khôi phục lại hiện trạng nhà ở như ban đầu, bồi thường thiệt hại thu nhập bị mất do hành vi trái pháp luật gây ra với số tiền 292.000.000 đồng vào ngày 13/7/2023, nên đã hết thời hiệu khởi kiện; anh P yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu và đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của bà Bùi Thị M là có căn cứ. Về việc đặt cọc, các đương sự thừa nhận giao dịch đặt cọc và số tiền cọc đã nhận là 3.250.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền cọc lần thứ nhất số tiền 600.000.000 đồng, bà M và ông H đã trả nợ Ngân hàng đồng thời lấy bản chính của giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, thời điểm nhận tiền cọc lần thứ hai ngày 23/7/2019 số tiền 2.650.000.000 đồng là đã đủ điều kiện ký hợp đồng chuyển nhượng nhưng phía bị đơn không thực hiện. Đến tháng 5/2022, bà Bùi Thị M và ông Phan Chí H thế chấp quyền sử dụng đất thửa 1377 đã thỏa thuận chuyển nhượng với anh P, chị N để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng X. Bà Bùi Thị M và ông Phan Chí H chủ động khởi kiện anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N tại Tòa án yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng sau đó rút đơn khởi kiện. Như vậy, bà Bùi Thị M và ông Phan Chí H là người có lỗi trong đặt cọc. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị M và giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung này.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị M về số tiền đã trả Ngân hàng. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Bùi Thị M thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Phan Chí H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Hoài L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng X, bị đơn Phan Chí H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Hoài L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Mỹ N không kháng cáo bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị M kháng cáo cho rằng sau khi xét xử sơ thẩm, bà đã trả cho Ngân hàng X được một phần nợ; cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, bỏ sót quan hệ tranh chấp “khôi phục lại nhà ở như hiện trạng ban đầu” và không giải quyết yêu cầu này của bà; bà chỉ đồng ý trả cho anh Nguyễn Vũ P và chị Nguyễn Thị Mỹ N số tiền cọc đã nhận là 3.250.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật và không đồng ý phạt cọc.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện và yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bùi Thị M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Hộ ông Phan Chí H và bà Bùi Thị M được UBND huyện CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01582 ngày 30/12/2008 thửa số 1377, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.403,2m² đất trồng cây lâu năm tại ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00346 ngày 20/01/2017 thửa đất số 2043, tờ bản đồ số 04, diện tích 255,4m² tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

Công văn số 1291/CAH-QLHC ngày 22/6/2021 của Công an huyện CT xác định

thời điểm năm 2008, hộ ông Phan Chí H gồm có bà Lê Thị T, ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M, anh Phan Hoài L và chị Phan Thị Kim Q (bút lục 164)

Theo hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01582 ngày 30/12/2008 thửa số 1377, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.403,2m² đất trồng cây lâu năm và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00346 ngày 20/01/2017 thửa đất số 2043, tờ bản đồ số 04, diện tích 255,4m² tại ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thể hiện nguồn gốc tài là do ông Phan Chí H được nhận thừa kế của ông Phan Văn M (cha ông H) (bút lục 55-74). Do đó, có căn cứ xác định đây là tài sản của ông Phan Chí H.

[3.2] Yêu cầu khởi kiện của các đương sự trong vụ án:

[3.2.1] Ngày 17/02/2020, ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa số 1377, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.403,2m² tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang phần diện tích ngang 13m, chiều dài 105m, còn phần lại sẽ giao khi giải quyết tranh chấp với ông Phan Văn Đ xong. Nếu ông P, bà N không đồng ý thì mất số tiền cọc 3.250.000.000 đồng. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện CT thụ lý số 84 ngày 10/3/2020 (bút lục 23).

Ngày 13/7/2023, bà Bùi Thị M khởi kiện bổ sung yêu cầu anh Nguyễn Vũ P khôi phục lại hiện trạng nhà ở như ban đầu, bồi thường thiệt hại thu nhập bị mất do hành vi trái pháp luật gây ra với số tiền 292.000.000 đồng (bút lục 152-155).

[3.2.2] Anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N xác định nếu ông H, bà M không giao đủ kích thước chiều ngang 18m, dài 105m+200m thì anh chị yêu cầu hủy hợp đồng và yêu cầu ông H, bà M phải bồi thường gấp hai lần giá trị tiền cọc đã nhận 6.500.000.000 đồng và yêu cầu ông H, bà M phải trả số tiền lãi của số tiền đặt cọc tạm tính là 456.000.000 đồng (bút lục 39, 145).

[3.2.3] Ngày 12/4/2023, Ngân hàng X khởi kiện ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M yêu cầu ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc 2.500.000.000 đồng cùng lãi trong hạn 14.075.343 đồng (lãi tạm tính đến ngày 04/4/2023). Đồng thời, yêu cầu ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 05/4/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ. Vụ án được Tòa án nhân dân huyện CT thụ lý số 223 ngày 31/5/2023 (bút lục 129)

Ngày 28/6/2023, Tòa án nhân dân huyện CT ban hành Quyết định nhập vụ án số 01/2023/QĐ-TA ngày 28/6/2023 (bút lục 131).

[3.3] Quá trình giải quyết của cấp sơ thẩm:

[3.3.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X:

Bản án sơ thẩm nhận định, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị M thừa nhận bà và ông Phan Chí H có ký kết hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp tài sản như đại diện Ngân hàng trình bày. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2023 (bút lục 142), bà Bùi Thị M đã thừa nhận nợ và cam kết trả trong thời hạn 03 tháng, nhưng bà Bùi Thị M vẫn không thực hiện. Từ đó, bản án sơ thẩm, buộc ông Phan Chí H và bà Bùi Thị M trả cho Ngân hàng X toàn bộ số tiền vay gốc 2.220.319.378 đồng và lãi tính đến ngày 30/11/2023 là 202.434.105 đồng, tổng cộng 2.422.753.483 đồng, kể từ ngày 01/12/2023 ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận tại

hợp đồng tín dụng số 24082/22MN/HĐTD ngày 27/5/2022; hợp đồng tín dụng số 36217/22MN/HĐTD ngày 16/9/2022. Đồng thời, bản án sơ thẩm cũng tuyên trường hợp ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 2043, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 255,4m² tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG712224 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M ngày 20/01/2017 và thửa đất số 1377, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 2.403,2m² tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 493124 do Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M ngày 30/12/2008, cập nhật thay đổi ngày 18/5/2011, ngày 22/8/2014 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20832/22MN/HĐBĐ ngày 27/5/2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 16/9/2022, là có căn cứ, phù hợp Điều 461, Điều 466, Điều 317 đến Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 và thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp được ký kết giữa hai bên.

[3.3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bị đơn Phan Chí H, Bùi Thị M:

Tại phiên tòa ngày 30/11/2023, bị đơn Bùi Thị M có đơn rút yêu cầu khởi kiện đề ngày 17/02/2020 và xác định xin rút toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện này (bút lục 235) đồng thời, ông Phan Chí H là đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên bản án sơ thẩm quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M, là có căn cứ, phù hợp khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại: ngày 13/7/2023, bà Bùi Thị M khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Vũ P khôi phục lại hiện trạng nhà ở như ban đầu, bồi thường thiệt hại thu nhập bị mất do hành vi trái pháp luật gây ra với số tiền 292.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm nhận định: bà Bùi Thị M thừa nhận đã biết việc anh P gây thiệt hại từ thời điểm tháng 7/2019, tại Công văn số 611/CSĐT-ĐTTH ngày 06/8/2019 (bút lục 150) xác nhận có nhận đơn của bà M về việc tố giác anh P có hành vi hủy hoại tài sản và cưỡng đoạt tài sản, tuy nhiên cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện CT xác định yêu cầu tố giác của bà M là không có căn cứ và có hướng dẫn việc tranh chấp bồi thường thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CT. Đến ngày 13/7/2023, bà Bùi Thị M mới nộp đơn khởi kiện và anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện về bồi thường thiệt hại, nên bản án sơ thẩm quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của bà Bùi Thị M, là phù hợp Điều 588 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3.3] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N:

Anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông H, bà M trả số tiền lãi của số tiền đặt cọc là 456.000.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu của anh P, chị N về việc yêu cầu ông H, bà M trả số tiền lãi 456.000.000 đồng, là phù hợp.

Về giao dịch đặt cọc: Ngày 13/6/2019 và ngày 23/7/2019 anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N có thỏa thuận chuyển nhượng của bà Bùi Thị M, ông Phan Chí H phần diện tích đất ngang 18m, dài 105m + 200m thuộc thửa 1377, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.403,2m², giá thỏa thuận chuyển nhượng là 7 tỷ đồng. Anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn

Thị Mỹ N đã đặt cọc 02 lần với tổng số tiền là 3.250.000.000 đồng. Tuy nhiên, do phần đất thỏa thuận chuyển nhượng có một phần diện tích ngang 3,5m, dài 54m bà Bùi Thị M, ông Phan Chí H đang tranh chấp với ông Phan Văn Đ, nên ông H, bà M đề nghị với anh P, chị N thực hiện trước hợp đồng đổi phần diện tích không có tranh chấp, phần diện tích tranh chấp với ông Đầy khi nào có kết quả giải quyết giao trả đất ông bà sẽ tiếp tục chuyển nhượng cho anh P, chị N nhưng anh P, chị N không đồng ý. Đến tháng 5/2022 ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M lại thế chấp quyền sử dụng đất thửa 1377 đã thỏa thuận chuyển nhượng cho anh P, chị N tại Ngân hàng X để đảm bảo cho khoản vay, nên mục đích của hợp đồng đặt cọc không đạt được. Bản án sơ thẩm nhận định ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M đã có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng đặt cọc nên ông H, bà M phải có nghĩa vụ trả lại tiền cọc 3.250.000.000 đồng và phạt cọc số tiền 3.250.000.000 đồng, là phù hợp Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.4] Xét, chị Phạm Thị H, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng X xác định sau khi xét xử sơ thẩm, bà Bùi Thị M, ông Phan Chí H đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi là 1.843.955.393 đồng, hiện còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.161.024.627 đồng (trong đó vốn gốc là 920.319.378 đồng, lãi trong hạn là 48.117.672 đồng, lãi quá hạn là 192.587.577 đồng), nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà Bùi Thị M.

Xét, bà Bùi Thị M cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, bỏ sót quan hệ tranh chấp “Buộc anh Nguyễn Vũ P khôi phục lại nhà ở như hiện trạng ban đầu” và không giải quyết yêu cầu này của bà, là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời, các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc...*”, bản chất của việc khôi phục lại nhà ở như hiện trạng ban đầu là bồi thường thiệt hại, nên án sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà M do hết thời hiệu, là có căn cứ. Đối với việc bà Bùi Thị M kháng cáo chỉ đồng ý trả số tiền cọc đã nhận là 3.250.000.000 đồng và không đồng ý phạt cọc nhưng phía anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N không đồng ý. Mặc khác, việc tranh chấp giữa bà Bùi Thị M, ông Phan Chí H với ông Phan Văn Đ được Tòa án nhân dân huyện CT thụ lý ngày 05/5/2020, nhưng đến ngày 31/5/2023 thì bà M, ông H rút đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện CT ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 152/2023/QĐST-DS ngày 31/5/2023. Như vậy, trong khi đang giải quyết tranh chấp với ông Phan Văn Đ, năm 2022, bà Bùi Thị M và ông Phan Chí H lại tiếp tục thế chấp thửa 1377 cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay, nên lỗi thuộc về bà Bùi Thị M và ông Phan Chí H. Bà Bùi Thị M không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh lỗi không phải của vợ chồng bà hoặc việc không tiếp tục thực hiện thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị M. Sửa bản án sơ thẩm về số tiền nợ mà bà M, ông H còn phải trả cho Ngân hàng.

[4] Xét, đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Phan Chí H, Bùi Thị M, là không phù hợp.

[5] Xét, đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, là phù hợp.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bà Bùi Thị M không phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà Bùi Thị M và ông Phan Chí H phải nộp 46.936.000 đồng án phí DSST đối với số tiền phải thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng X và 114.500.000 đồng án phí DSST trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ đối với anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 184, Điều 217; Điều 218; Điều 227, Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317 đến Điều 323; Điều 463, Điều 466, Điều 328, Điều 588, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị M. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 519/2023/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

Buộc ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M trả cho Ngân hàng X số tiền 1.164.535.016 đồng (trong đó tiền vốn gốc 920.319.378 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 01/02/2024 là 244.215.638 đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 24082/22MN/HĐTD ngày 27/5/2022 và hợp đồng tín dụng số 36217/22MN/HĐTD ngày 16/9/2022 kể từ ngày 01/02/2024 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng X thì toàn bộ tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20832/22MN/HĐBĐ ngày 27/5/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 16/9/2022 được xử lý kê biên, bán đấu giá tại giai đoạn thi hành án để đảm bảo thanh toán nợ cho Ngân hàng X theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M về việc yêu cầu anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1377, tờ bản đồ số 04, diện tích 2.403,2m² tọa lạc ấp Đ, xã L, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M về việc yêu cầu anh Nguyễn Vũ P bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra với số tiền 292.000.000 đồng. Bà Bùi Thị M không được quyền khởi kiện lại.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N về việc yêu cầu ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M trả số tiền lãi 456.000.000 đồng. Anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N.

Buộc ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M trả anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N số tiền đặt cọc và phạt cọc, tổng cộng 6.500.000.000 đồng (sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí: Bà Bùi Thị M không phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010686 ngày 12/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, nên được hoàn lại.

Ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M phải nộp 161.436.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông, bà đã nộp số tiền 48.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01998 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Ông Phan Chí H, bà Bùi Thị M còn phải nộp 112.936.000 đồng.

Hoàn lại bà Bùi Thị M số tiền 7.300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011822 ngày 19/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại Ngân hàng X số tiền 41.140.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021631 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại anh Nguyễn Vũ P, chị Nguyễn Thị Mỹ N số tiền 68.650.000 đồng tạm ứng án phí theo hai biên lai thu số 0002887 ngày 15/6/2020 và số 0011826 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện CT;
 - Chi cục THADS huyện CT;
 - Các đương sự;
 - Công bố bản án trên cổng TTĐT;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-Tâm-2024

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm